

Số: 61/2023/QĐST-DS

Bù Đăng, ngày 25 tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC
Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huệ
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Thành Đô
2. Bà Lê Thị Thận

Căn cứ vào các điều 217, 218, 219, 235 và khoản 2 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Xét thấy, tại phiên tòa nguyên đơn D rút toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn H; bị đơn H không có yêu cầu phản tố theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Đình chỉ giải quyết vụ án dân sự thụ lý số 130/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn”, giữa:

- Nguyên đơn: Bà D, sinh năm 1978.

Nơi cư trú: Thôn 4, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước

- Bị đơn: Ông H, sinh năm 1977

Nơi cư trú: Thôn 4, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước

2. Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án:

a. Trả lại đơn khởi kiện và tài liệu kèm theo đơn khởi kiện nếu đương sự có yêu cầu.

b. Đương sự có quyền khởi kiện lại vụ án theo quy định của pháp luật.

c. Án phí: Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước hoàn trả lại cho bà D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001089 ngày 19 tháng 6 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

3. Đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- Chi cục THADS h. Bù Đăng;
- Tòa án ND tỉnh Bình Phước;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

NGUYỄN VĂN HUỆ

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

Nguyễn Quang Liêu- Lê Thị Thận

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thu Hà

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 39-DS:

- (1) Ghi tên Tòa án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Tòa án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Tòa án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội).
- (2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 56/2017/QĐST-KDTM).
- (3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).
- (4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.
- (5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).
- (6) Phần cuối cùng của Quyết định cần phải có đầy đủ chữ ký, họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử (Quyết định này phải lưu vào hồ sơ vụ án); Quyết định gửi cho các đương sự, cơ quan, tổ chức khởi kiện và Viện kiểm sát cùng cấp thì cần ghi như sau:

Nơi nhận:

- Ghi theo quy định tại đoạn 2 khoản 1 Điều 212 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)